

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-ST

Ngày: 21/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng
2. Ông Phạm Văn Thanh
3. Bà Lê Thanh Xuân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phong Lan - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 21/02/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 995/2022/HSST ngày 28/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2023/QĐXXST-HS ngày 02/02/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn Đ**; giới tính: nam; sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 307B đường B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 345/19 đường H, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Huỳnh Văn X và bà Trần Thị T; vợ tên Võ Ánh H, có 01 con sinh năm 2020;

Tiền sự: Tháng 4/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng; ngày 25/02/2019, chấp hành xong (bl.378).

Tiền án: không;

Nhân thân: Ngày 09/3/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (bản án hình sự sơ thẩm số 31/2011/HSST); chấp hành xong bản án vào ngày 18/5/2016, đóng án phí xong vào tháng 6/2011 (bl.116, 376).

Bắt, tạm giữ: 02/4/2021 (bl.105);

Tạm giam: 09/4/2021 (bl.99);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đ1; Văn phòng L2, Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt;

Bị hại: Chị **Trần Thị H1** (đã chết); sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu);

Đại diện bị hại: Bà **Mã Thị H2**; sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; là người đại diện theo pháp luật (mẹ đẻ của bị hại Trần Thị H1); có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Thạch Thái H3**; sinh năm 1992; nơi cư trú: I đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Anh **Phạm Ngọc H4**; sinh năm 1983; nơi cư trú: 1593/33 đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. Anh **Nguyễn Minh D**; sinh năm 1981; nơi cư trú: 46/3 đường C, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

4. Anh **Nguyễn Hồng Â**; sinh năm 1992; nơi cư trú: 46/3 đường C, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

5. Chị **Nguyễn Thị K**; sinh năm 1992; nơi cư trú: Số D, Đường B, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

6. Trẻ **Trần Thị Tuyết N**; sinh ngày 18/7/2011; nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; là con đẻ của bị hại bị hại Trần Thị H1; vắng mặt,

Người đại diện của trẻ N: Bà **Mã Thị H2**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền để trả nợ và tiêu xài, nên bị cáo Huỳnh Văn Đ nảy nảy sinh ý định tìm kiếm sơ hở để chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện ý định này,

khoảng 19 giờ 00 ngày 24/3/2021, Được mượn chiếc xe máy Honda Wave biển số 59K-114.97 của bạn là anh Thạch Thái H3, điều khiển xe đi từ nhà trọ tại số C đường H, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, đem theo một con dao mũi nhọn, dài khoảng 17,5cm (để tại túi quần phía trước bên phải) đi lòng vòng trong khu vực huyện B. Đến khoảng 02 giờ 00 ngày 25/3/2021, khi đi ngang quán cà phê ở số D Quốc lộ A, Ấp C, xã T, huyện B, thấy quán vắng người nên Đ đi vào bên trong quán và chỉ thấy chỉ có một mình chị Trần Thị H1 là nhân viên của quán. Được thỏa thuận với chị H1 về việc massage kích dục nên chị H1 khóa cửa quán và đưa Đ đến tấm nệm ở trong phòng phía sau để thực hiện. Chị H1 tự cởi áo ra, còn Đ cũng cởi quần và nằm trên tấm nệm. Sau khi massage kích dục cho Đ, chị H1 lấy áo mặc lại. Trong lúc chị H1 đang mặc áo, Được bắt ngờ đứng phía sau, lấy dao trong túi quần và cầm bằng tay phải, mũi dao hướng lên, vòng tay ra phía trước cửa, cắt liên tục vào cổ chị H1, rồi tiếp tục dùng tay trái nắm tóc kéo đầu chị H1 ra phía sau, tay phải cầm dao cửa liên tiếp vào cổ chị H1. Chị H1 cố vùng vẫy để thoát ra nhưng không được và bị ngã xấp xuống tấm nệm. Được tiếp tục cầm dao đâm liên tiếp vào cổ, mặt của chị H1 cho đến khi dao bị gãy. Thấy chị H1 vẫn chưa chết, Được đến chỗ để ly chén trước cửa phòng lấy một con dao mũi bằng (loại dao dùng để chặt, dài khoảng 30cm, rộng khoảng 05cm, cán gỗ) rồi quay lại chỗ chị H1. Lúc này, chị H1 đang nằm sấp, Đ cầm dao chém liên tục vào đầu, lưng, hông của chị H1, rồi lật chị H1 nằm ngửa lại và tiếp tục chém liên tục vào mặt và đầu của chị H1. Khi thấy chị H1 nằm im không phản kháng, Được rút dao sang một bên, lấy mền đắp lên mặt chị H1. Khi nhìn thấy cái bóp ở trên nền nhà, Đ lấy bóp và tìm tài sản. Khi thấy trong bóp có khoảng 600.000đ đến 700.000đ, Đ lấy tiền bỏ vào túi quần đang mặc, còn chiếc bóp thì bỏ lại. Lúc này, Đ nhìn thấy trên bàn có 01 chiếc máy tính bảng màu trắng hiệu Mobell Tab 8S và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell C310 nên Được lấy các tài sản vừa nêu bỏ vào trong cốp xe máy. Được lấy quần áo của chị H1 có sẵn trong phòng lau chùi dấu vết, rồi vào nhà vệ sinh lau, rửa các vết máu dính trên người. Tiếp theo đó, Được lấy 2 chiếc khăn vải (loại khăn lạnh sử dụng 01 lần) nhúng vào bình xăng xe máy, rồi lấy hộp quẹt ga ở trong phòng châm lửa đốt cháy khăn và ném vào cái mền đang phủ trên mặt chị H1. Sau đó, Đ dắt xe máy ra ngoài quán, khóa cửa quán, vớt chìa khóa tại hiện trường, rồi khởi động máy xe để chạy đi. Nhưng do bị ngập xăng nên xe không nổ máy. Được phải dắt xe một đoạn, sau đó mới nổ máy được và đi về hướng C P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh rồi uống cà-phê ở một quán bên lề đường. Tại đây, Đ lấy chiếc máy tính bảng và chiếc điện thoại cướp được ra kiểm tra. Được tháo sim điện thoại vứt bỏ và bỏ điện thoại vào túi quần, còn máy tính bảng thì bỏ vào trong cốp xe.

Khoảng 06 giờ 30 phút 25/3/2021, như thường lệ, chị Thạch Thị Tuyết T1 (là nhân viên của quán cà-phê) đến quán cà-phê để làm việc thì phát hiện cửa quán bị khóa bên ngoài, chị T1 gọi chị H1 nhưng không thấy trả lời nên chị T1 báo cho ông Bùi Quốc T2 là chủ quán. Vì căn nhà sử dụng làm quán cà-phê là nhà của vợ chồng

ông Thái Văn O và bà Nguyễn Thị T3 cho ông T2 thuê nên ông T2 phải mượn chìa khóa của bà T3 và đưa cho chị T1 để mở cửa. Khi mở cửa vào quán thì chị T1 phát hiện chị H1 bị giết. Sau đó, chị T1 đã báo cho Cơ quan công an (bl.136, 299).

Vào ngày 25/03/2021, khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số vật chứng như sau (bl.175-179):

- 01 cán dao, kích thước 7,5x 2cm;
- 01 lưỡi dao, kích thước 10 x 2,5cm;
- 01 mảnh vải nâu đỏ;
- 02 chai nhựa;
- 02 lon sữa đậu nành Tribeco;
- 01 đôi đũa;
- 02 cái tô nhựa;
- 01 tấm drap nệm;
- 01 cái váy màu đen;
- 01 áo thun dài tay;
- 01 cái khăn;
- 01 ví màu đỏ;
- 01 ổ khóa hiệu Huy Hoàng cos kèm chìa khóa;
- 01 ổ khóa hiệu YOFE;
- 01 tàn thuốc lá;
- 02 cái gạt tàn thuốc lá;
- 01 vỏ chai nhựa;
- 01 vỏ lon đậu nành Tribeco;
- 01 quyển vở;
- 01 đôi dép kẹp màu trắng;
- 01 cái võng màu xanh;
- 01 cái xô nhựa màu đỏ (bên trong có 01 ly thủy tinh và 2 vỏ chai nhựa);
- 01 cái xô nhựa màu xanh (bên trong có 01 số vật dụng cá nhân và 1 gói thuốc hiệu Jet).
- 01 đôi dép màu đen, quai màu xám sọc đen, có chữ T4

-14 dấu vết màu nâu đỏ;

-05 dấu vết đường vân.

Về phía bị cáo Đ: Sau khi uống cà-phê ở quán bên lề đường gần Công viên P, Quận F, khoảng 06 giờ 00 ngày 25/3/2021, Được điều khiển xe máy đến nhà của Phạm Ngọc H4, ở địa chỉ số A đường P, Phường F, Quận H. H4 là bạn của Đ. Được có nói với H4 rằng “Em mới giết người”. Mặc dù không tin nhưng H4 vẫn nói với Đ rằng nếu giết người thì phải đi đầu thú. Thấy H4 không tin nên Được mở ti-vi xem chương trình 60 giây của HVT7, mục đích xem có tin tức về vụ giết người không để thuyết phục H4 tin là Đ nói thật. Tuy nhiên, không có tin tức gì nên H4 nghĩ rằng Được đùa giỡn. Sau đó, Đ hỏi mượn H4 01 bộ quần áo. H4 đưa cho Được 01 bộ quần áo. H4 đi vệ sinh và thay quần áo để đi làm. Sau khi H4 đi vệ sinh xong thì Được vào nhà vệ sinh tắm rửa và thay quần áo. Khi H4 đi làm thì Đ lấy xe máy chạy đến khu vực gần chung cư B, Phường F, Quận H; Được vứt bỏ bộ quần áo của mình vào thùng rác. Sau đó, Đ gửi chiếc xe máy vào bãi giữ xe của chung cư Bùi Minh T5, rồi đón xe ôm, mang theo máy tính bảng, điện thoại cướp được của chị H1 đi đến nhà anh Nguyễn Minh D và anh Nguyễn Hồng Â ở số D đường C, Phường E, quận T. D và Â là bạn của Đ. Được ăn uống và ở tại địa chỉ vừa nêu một ngày. Trong thời gian ở đây, Đ nói cho Â và D biết là Được đã chém người do mâu thuẫn nợ nần nhưng Â và D không tin. Đến khoảng 13 giờ 00 ngày 26/3/2021, D chở Được ra chợ để mua ếch làm môi nhậu. Khoảng 14 giờ 30 ngày 26/3/2021, trong lúc đang làm môi nhậu, Được nói dối với Â là điện thoại của Đ bị hư và hỏi mượn điện thoại di động của Â để qua Quận B gặp anh của Đ. Tin là thật nên Â cho Đ mượn 01 chiếc điện thoại di động có gắn sim (loại bàn phím). Sau đó, Được đón xe ôm đi đến nhà chị Nguyễn Thị K (là bạn của Đ), ở nhà số D, Đường B, phường C, thành phố T. Được nhờ chị K giữ chiếc máy tính bảng và chiếc điện thoại di động mà Được cướp của chị H1; đồng thời, Được vay của chị K 1.000.000đ. Sau đó, Đ bỏ đi sống lang thang. Khoảng 06 giờ 00 ngày 27/3/2021, Được điện thoại cho chị K và nói với chị K rằng chiếc điện thoại và máy tính bảng mà Được nhờ chị K cất giữ là tài sản do Được trộm cắp mà có, sử dụng được thì sử dụng không thì vứt đi. Nghe Đ nói vậy, sợ bị liên lụy nên chị K mang chiếc điện thoại và máy tính bảng vứt bỏ vào thùng rác (Cơ quan điều tra không thu hồi được).

Khoảng 16 giờ 00 ngày 27/3/2021, Được đón xe ôm quay lại nhà của Â và D, ăn nhậu và ngủ tại đây. Khoảng 08 giờ 00 ngày 28/3/2021, Được đi ra khỏi nhà của Â và đón xe ôm đi đến nhà một người quen tên H5 ở H (nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ). Đ nói với H5 là Được đang trốn nợ ngân hàng. Ngày 31/3/2021, Đ đón xe đến Bến xe M để đón xe đi Long An thì bị lực lượng công an phát hiện áp giải đưa về trụ sở công Công an phường C, Quận A để làm việc. Tại đây, vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 01/4/2021, Được bị Điều tra viên giữ theo Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Ngày 02/4/2021, Đ

bị bắt giữ theo Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (bl.103-108).

Khi khám xét dấu vết trên thân thể của Được phát hiện có nhiều vết đứt da nông tại đầu ngón trỏ bàn tay phải. Được khai rằng các vết thương vừa nêu là do trong lúc cầm dao đâm chém chị H1, Đ tự làm bị thương (bl.128,129).

Ngày 01/4/2014, theo sự chỉ điểm của Được, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe máy hiệu Honda Wave S, biển số 59K2-114.97, số khung mang ký hiệu RLHHC09067Y841009, số máy mang ký hiệu HC09E-6660208 (bl.180).

Đối với con dao chặt mà bị cáo lấy tại quán cà phê và đã sử dụng gây án, bị cáo khai vớt tại hiện trường, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được. Theo sự mô tả của bị cáo thì con dao dài khoảng 30cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao dài khoảng 20cm, bề bản rộng khoảng 05cm, mũi bằng, đuôi bằng (bl.168).

Đối với bộ quần áo mà bị cáo mặc khi gây án, bị cáo khai vớt ở bãi rác ở gần chung cư B: không thu hồi được (bl.167).

Đối với chiếc máy tính bảng và chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại và gửi bà Lê Thị K1 cất giữ. Chị K1 khai đã vớt tại thùng rác bên ngoài khu nhà trọ số D, đường Số B, phường C, thành phố T. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ được 01 USB có lưu trữ hình ảnh do camera Trạm Cảnh sát giao thông Tân Túc tại địa chỉ C Ấp C, xã T, huyện B ghi lại được hình ảnh bị cáo dắt xe Honda Wave vào thời điểm 03 giờ 28 phút đến 03 giờ 30 phút ngày 25/3/2021 đi trên Quốc lộ A hướng từ Vòng xoay Nguyễn Văn L đi ngã tư Quán C (bl.172-173).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Được khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 2025-21/KLGD-PY ngày 12/5/2021 của Phòng K2 - Công an Thành phố H đối với chị Trần Thị H1, kết luận như sau (bl.42 – 60):

- Vùng đầu: Đứt da trán trái, kích thước (3x0,5)cm; đứt da đỉnh trái chạm xương, kích thước (4x0,4)cm. Vùng trán-mắt-thái dương-má trái và mũi có khoảng 13 vết đứt da, vết lớn nhất có kích thước (12x1)cm, vết nhỏ nhất có kích thước (2x0,2)cm. Vùng trán-thái dương-đuôi mắt phải-má phải-cạnh mũi phải-khoé môi phải: có khoảng 9 vết thủng da, bờ mép nơi sắc nhọn, nơi nhám nhở; vết lớn nhất, kích thước (4x1,5)cm; vết nhỏ nhất, kích thước (1,5x0,3)cm; xung quanh có xây xát da, bầm tụ máu, kích thước (10x10)cm. Đứt da góc hàm trái, kích thước (10x2,5)cm. Vùng đỉnh-chẩm phải và trước-tại-dưới tai phải có khoảng 10 vết đứt da: vết lớn nhất, kích thước (10x1)cm; vết nhỏ nhất, kích thước (4x0,5)cm. Chẩm

trái có 3 vết đứt da, kích thước lần lượt là $(6 \times 0,2)\text{cm}$; $(5 \times 0,5)\text{cm}$; $(7 \times 0,8)\text{cm}$. Vùng gáy 2 bên có khoảng 4 vết đứt da: vết lớn nhất, kích thước $(12 \times 1,5)\text{cm}$; vết nhỏ nhất có kích thước $(7 \times 0,5)\text{cm}$; xung quanh có nhiều vết đứt xước da nông. Vùng cổ-vai trái có khoảng 7 vết đứt da: vết lớn nhất có kích thước $(15 \times 3)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(5,5 \times 2,5)\text{cm}$.

Bên trong, các vết thương đứt da, thủng da vùng mặt 2 bên gây vỡ toàn bộ xương mặt 2 bên, xương hàm trên, xương trán 2 bên, xương thái dương phải, vỡ sụn sọ trước-giữa 2 bên. Tụ máu dưới da và trong cơ trán 2 bên, cằm 2 bên, thái dương phải. Xuất huyết dưới nhện bán cầu trái. Dập não mặt dưới thùy trán 2 bên, mặt bên thùy trán phải, thái dương-đỉnh phải, cằm trái. Chiều hướng các vết thương từ trước ra sau. Các vết thương còn lại vùng đỉnh cằm chỉ chạm xương.

- Vùng cổ 2 bên, tập trung ở cổ phải có khoảng 20 vết đứt da và đứt xước da: vết lớn nhất, kích thước $(10 \times 1,5)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(1,5 \times 0,5)\text{cm}$. Bên trong, các vết thương đứt da quanh cổ chỉ đến lớp cơ. Tụ máu dưới da bên phải dưới vết thương đứt da. Các mạch máu, các đốt sống cổ không tổn thương. Lòng khí quản chứa ít dịch màu nâu.

- Vùng ngực và bụng: Cháy da vùng dưới nách trái-mạn sườn trái-thắt lưng hông trái-ngoài đùi trái. Vùng ngực 2 bên-quanh xương đòn 2 bên có khoảng 15 vết đứt da và đứt xước da: vết lớn nhất, kích thước $(8,5 \times 1)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(4,5 \times 0,5)\text{cm}$. Vùng lưng 2 bên-dưới nách phải-dưới nách trái có khoảng 15 vết đứt da và đứt xước da: vết lớn nhất, kích thước $(25 \times 5)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(1,5 \times 0,6)\text{cm}$.

- Vùng tứ chi:

Đứt da tạo vạt vai phải (4 vết): vết lớn nhất, kích thước $(5 \times 3)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(3 \times 1)\text{cm}$; bên dưới có nhiều vết đứt xước da nông. Đứt xước da nông 1/3 trên ngoài cánh tay trái (3 vết): vết lớn nhất, kích thước $(7 \times 0,3)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(2 \times 0,1)\text{cm}$. Đứt xước da nông 1/3 trên ngoài cánh tay phải (2 vết): kích thước lần lượt: $(11 \times 0,2)\text{cm}$ và $(13 \times 0,1)\text{cm}$. Đứt xước da cẳng tay trái (3 vết) có kích thước lần lượt: $(2 \times 0,1)\text{cm}$; $(1,8 \times 0,1)\text{cm}$; $(1 \times 0,1)\text{cm}$. Mu tay trái có khoảng 9 vết đứt da: vết lớn nhất, kích thước $(9 \times 1)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(0,8 \times 0,5)\text{cm}$. Đứt rời đốt xa-giữa ngón 2, đốt xa ngón 3. Cổ tay phải có khoảng 7 vết đứt da: vết lớn nhất, kích thước $(2,5 \times 0,4)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(0,5 \times 0,1)\text{cm}$.

Đứt xước da 1/3 trên sau đùi, kích thước $(15 \times 0,2)\text{cm}$. Đứt da 1/3 giữa sau đùi (3 vết): vết lớn nhất, kích thước $(20 \times 2,5)\text{cm}$; vết nhỏ nhất, kích thước $(9 \times 15)\text{cm}$. Đứt da gối phải, kích thước $(12 \times 1)\text{cm}$. Đứt da sau cổ chân trái, kích thước $(3,5 \times 0,7)\text{cm}$. Đứt xước da 1/3 trên đùi trái, kích thước $(9 \times 0,1)\text{cm}$.

Các vết đứt da, đứt xước da trên có bờ mép sắc gọn.

Kết luận:

- *Trần Thị H1 chết do sốc mất máu không hồi phục do đa vết thương*”;
- *Trong máu tìm thấy cồn, nồng độ 32mg/100ml;*
- *Trong máu không tìm thấy ma túy;*
- *Máu nạn nhân thuộc nhóm máu O;*
- *Mẫu dịch âm đạo của nạn nhân không dính tinh dịch, không phát hiện có tinh trùng;*
- *Trong máu có caffeine;*
- *Trong da dày không tìm thấy các chất độc thường gặp.*

Bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 3343-22/KLGD-PY ngày 03/10/2022 của Phòng K2 - Công an Thành phố H kết luận về cơ chế hình thành vết thương trên thi thể Trần Thị H1 như sau (bl.63):

- *Các vết thương ở vùng đầu do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế chặt, cắt;*
- *Các vết thủng da ở vùng mặt do vật sắc, vật có cạnh sắc gây ra theo cơ chế đâm;*
- *Các vết thương đứt xước da còn lại là các vết do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế cắt.*
- *Con dao dài khoảng 17,5cm, lưỡi dao dài khoảng 10cm, bề bản chỗ rộng nhất là 2,5cm, một cạnh sắc, mũi nhọn (vật chứng thu giữ được) là có thể gây ra được các vết thương cắt trên người nạn nhân.*
- *Con dao dài khoảng 30cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao dài khoảng 20cm, bề bản rộng khoảng 05cm, mũi bằng, đuôi bằng (có góc nhọn) là vật sắc có cạnh, có thể gây ra được các vết thương chặt hoặc cắt hoặc đâm trên người nạn nhân.*

Căn cứ Kết luận giám định pháp y số 3132-22/KLKTHS ngày 24/6/2022 của Phòng K2 - Công an Thành phố H thì có 7 dấu vết thu tại hiện trường được xác định là máu thuộc nhóm máu O, trùng với nhóm máu của chị H1 (bl.79);

Theo bản Kết luận giám định pháp y bổ sung số 2366/KLGD-PY ngày 13/5/2021 của Phòng K2 - Công an Thành phố H xác định được như sau: Trong 5 dấu vết thu giữ được ở hiện trường có 1 dấu vết đường vân là dấu vân tay ngón nhẫn phải của bị cáo, có 1 dấu vết đường vân là dấu vân lòng bàn chân trái của bị cáo, 3 đường vân còn lại mờ nhòe, không đủ yếu tố giám định (bl.84).

Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án có dấu vết cháy xém loang lỗ khu vực giữa tấm nệm và cái mền đắp lên tử thi của chị Trần Thị H1 (cháy xém vào phần hông bụng tử thi của chị H1)(bl.31-37).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố C đã trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc máy tính bảng màu trắng hiệu Mobell Tab 8S và một cái điện thoại di động bàn phím màu cam, hiệu Mobell C310 nhưng Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố từ chối giám định với lý do không có đầy đủ thông tin để định giá (bl.96).

Tại bản Cáo trạng số 592/CT-VKS-P2 ngày 23/11/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Giết người”, “Cướp tài sản” theo điểm g, i và n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Cáo trạng vừa nêu cũng kết luận rằng: Đối tượng Phạm Ngọc H4, Nguyễn Hồng Â và Nguyễn Minh D tuy có nghe Đ nói vừa giết người nhưng không biết được nội dung vụ việc nên không tin lời Đ nói. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý là có căn cứ pháp luật. Lê Thị K1 đã cất giữ chiếc máy tính bảng và chiếc điện thoại di động mà được cướp nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Bà Mã Thị H2 trình bày như sau: Chị H1 có sống chung với 2 người đàn ông và có 3 con chung nhưng đều không có đăng ký kết hôn. Bà không rõ lại lịch và địa chỉ cư trú của 2 người đàn ông đã nêu. Người đàn ông thứ nhất có 01 con chung với chị H1 là trẻ Trần Thị Tuyết N. Trẻ Nhi đang sống với bà H2. Người đàn ông thứ hai có 2 con chung với chị H1, hiện tại ở đâu thì bà không rõ. Bà H2 là người làm đám tang cho chị H1 và là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N. Về mặt hình sự, bà H2 yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về mặt dân sự, bà H2 yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000đ tiền chi phí mai táng chị H1 và 50.000.000đ tiền cấp dưỡng nuôi trẻ N, thực hiện cấp dưỡng bằng một lần. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo đồng ý với yêu cầu của bà H2.

Ông Thạch Thái H3 trình bày ý kiến như sau: Chiếc xe Honda Wave S mang biển số 59K2-114.97 thuộc quyền sở hữu của anh H3. Anh H3 đã cho bị cáo mượn xe để sử dụng nhưng không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội. Anh H3 xin được nhận lại xe.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, người làm chứng, người liên quan, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

-Xử phạt bị cáo Tử hình về tội “Giết người” và tù 4 đến 5 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình.

Về các biện pháp tư pháp:

- Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đại diện bị hại;
- Giao trả lại chiếc xe máy cho anh H3 ;
- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại.

Luật sư V bào chữa cho bị cáo như sau: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình có con nhỏ; có thiện chí trong việc khắc phục hậu quả. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, áp dụng hình phạt tù chung thân đối với bị cáo.

Bị cáo bào chữa đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư V, không bào chữa bổ sung.

Kiểm sát viên tranh luận như sau: Đối với tội phạm giết người, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất man rợ, sau khi gây án còn có hành vi đốt thi thể chị H1 để che giấu tội phạm; mặc dù bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của bà H2 nhưng thực tế thì vẫn chưa bồi thường. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng chưa đủ để xem xét áp dụng hình phạt nhẹ hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/3/2021, ở tại quán cà phê số D Quốc lộ A, Ấp C, xã T, huyện B, bị cáo Huỳnh Văn Đ đã có hành vi dùng dao giết chết chị Trần Thị H1 để chiếm đoạt của chị H1 600.000đ-700.000đ và 1 máy tính bảng màu trắng hiệu Mobell Tab 8S, 1 điện thoại di động bàn phím màu cam, hiệu Mobell C310 (không rõ trị giá).

Bị cáo đã thực hiện hành vi giết chị H1 bằng cách dùng dao cứa, cắt vào cổ chị H1; đâm, chém, chặt vào khắp cơ thể, vùng đầu, mặt, của chị H1. Theo kết quả giám định và các tài liệu thu thập được thì trên thi thể chị H1 có hơn 120 vết thương, các vết thương gây đứt da, thịt, thủng da vùng mặt 2 bên, gây vỡ toàn bộ xương mặt 2 bên, xương hàm trên, xương trán 2 bên, xương thái dương phải, vỡ sụn sọ trước-giữa 2 bên; khuôn mặt chị H1 bị biến dạng. Hành vi giết người có tính chất côn đồ, thực hiện việc giết chị H1 một cách man rợ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng và quyền sở hữu tài sản của người khác.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi, xem thường tính mạng người khác nên vẫn cố ý vi phạm.

[3].Căn cứ các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm g, i và n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[4].Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo phạm tội “Giết người” với nhiều tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, đó là: Phạm tội là để thực hiện tội phạm khác, thực hiện tội phạm một cách man rợ và có tính chất côn đồ. Mức độ nguy hiểm của hành vi là đặc biệt lớn.

Khi thực hiện hành vi dùng dao cắt và cứa vào cổ bị hại nhiều nhát nhưng thấy bị hại vẫn chưa chết, bị cáo đã lấy con dao khác ở trong quán, đâm, chém, chặt vào cơ thể và vào mặt bị hại cho đến khi bị hại chết hẳn. Tình tiết này cho thấy bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm đến cùng. Do vậy, cần áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân không tốt: Là người nghiện ma túy; có 01 án tích về tội “Cướp tài sản” nhưng đã được xóa. Đây là những tình tiết cần phải được lưu ý xem xét khi lượng hình.

Bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng tội mà bị cáo đã phạm: Đối với tội “Giết người”, cần áp dụng hình phạt cao nhất, loại bỏ bị cáo khỏi đời sống xã hội. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng là chưa đủ để có thể xem xét áp dụng mức án nhẹ hơn. Đối với tội “Cướp tài sản”, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng. Bị cáo phạm nhiều tội nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[5]. Về các biện pháp tư pháp, xử lý tang tài vật:

Cha mẹ đẻ của bị hại là ông Trần Văn L1 (đã chết) và bà Mã Thị H2. Theo lời khai của bà H2 thì chị H1 có sống chung với 2 người đàn ông và có 3 người con nhưng đều không có đăng ký kết hôn và đều không rõ lai lịch. Chỉ có 1 người con của chị H1 là trẻ Trần Thị Tuyết N hiện đang do bà H2 nuôi dưỡng; những người con còn lại của chị H1 thì bà H2 không rõ ở đâu.

Tại phiên tòa, bị cáo và bà H2 thỏa thuận với nhau rằng: Bị cáo bồi thường cho bà H2 50.000.000đ tiền chi phí mai táng chị H1; đồng thời cấp dưỡng cho trẻ Nhi 50.000.000đ thực hiện bằng một lần. Nội dung thỏa thuận như vừa nêu là không trái pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 585 Bộ luật dân sự, cần ghi nhận.

Đối với 2 người con còn lại của chị H1: Do bà H2 tự khai nhưng không có căn cứ để xác định họ tên, địa chỉ, nơi cư trú, bà H2 không trực tiếp nuôi dưỡng nên không có cơ sở để xem xét đưa vào tham gia tố tụng. Do vậy, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết sau theo trình tự tố tụng dân sự.

Đối với vật chứng và các vật thu giữ: Là vật được bị cáo sử dụng làm công cụ gây án; vật là tài sản của bị cáo, bị hại, có mang dấu vết tội phạm, vật không rõ nguồn gốc và không còn sử dụng được. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe máy hiệu Honda Wave S, biển số 59K2-114.97, số khung mang ký hiệu RLHHC09067Y841009, số máy mang ký hiệu HC09E-6660208 (thu giữ của bị cáo): Theo kết quả điều tra thì xe thuộc quyền sở hữu của anh Thạch Thái H3. Bị cáo đã mượn xe của anh H3 để làm phương tiện đi lại. Anh H3 không có lỗi trong việc để cho bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Do vậy, cần giao trả lại chiếc xe cho anh H3.

[6]. Đối với một số nội dung có liên quan:

Khi đến nhà của Phạm Ngọc H4, bị cáo có nói với H4 là bị cáo mới giết người nhưng H4 không tin mà cho rằng bị cáo nói đùa. Mặt khác, H4 cũng nói với bị cáo là nếu giết người thì phải ra đầu thú. Ngoài nội dung đã nêu, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh H4 biết được chính xác là bị cáo đã giết người. Bị cáo cũng có nói với Nguyễn Hồng A và Nguyễn Minh D rằng bị cáo mới chém người nhưng

không nói cụ thể nên A và D cũng không tin. Vì các lý do đã nêu, không đủ căn cứ vững chắc để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H4, D và A về tội “Không tố giác tội phạm” hoặc “Che giấu tội phạm”.

Lê Thị K1 là người nhận cất giữ chiếc máy tính bảng và chiếc điện thoại di động mà bị cáo chiếm đoạt của chị H1, nhưng khi nhận K1 không biết là tài sản do phạm tội mà có. Trong quá trình bỏ trốn, bị cáo có gọi điện thoại nói với chị K1 rằng các tài sản đã nêu là tài sản mà bị cáo trộm cắp, nhưng không nói cụ thể; đồng thời, bị cáo có nói với chị K1 sử dụng được thì sử dụng, nếu không thì vứt bỏ. Trong thực tế, vì sợ liên lụy nên chị K1 đã vứt bỏ các tài sản đã nêu, không thu hồi được, cơ quan định giá cũng không xác định được trị giá tài sản. Do vậy, không có đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên tòa, bị cáo khai trình rằng trong quá trình điều tra, công an có thu giữ của bị cáo 2 chiếc điện loại bàn phím nhưng không lập biên bản. Tuy nhiên, trong hồ sơ không thể hiện có nội dung này; mặt khác, bị cáo cũng không yêu cầu lấy lại. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g, i và n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168, điểm e khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, khoản 4 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 585 Bộ luật dân sự 2015.

1. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn Đ** Tử hình về tội “Giết người” và 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về các biện pháp tư pháp và xử lý tang tài vật:

Ghi nhận việc thỏa thuận giữa bị cáo và bà Mã Thị H2 như sau:

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Mã Thị H2 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), bao gồm các khoản tiền sau:

-50.000.000đ tiền chi phí mai táng bị hại Trần Thị H1;

-50.000.000đ tiền cấp dưỡng cho trẻ Trần Thị Tuyết N (cấp dưỡng theo phương thức một lần).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường vừa nêu, bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Giao trả lại cho ông Thạch Thái H3 01 xe máy 02 bánh có đặc điểm như sau: nhãn hiệu: Honda; số loại: Wave S; dung tích xi-lanh: 97; biển số: 59K2-114.97; số khung: RLHHC09067Y841009; số máy: HC09E-6660208 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cán dao, kích thước 7,5x 2cm;
- 01 lưỡi dao, kích thước 10 x 2,5cm;
- 01 mảnh vải nâu đỏ;
- 01 tấm drap nệm;
- 01 cái váy màu đen;
- 01 áo thun dài tay;
- 01 cái khăn;
- 01 ví màu đỏ;
- 01 cái võng màu xanh;
- 02 chai nhựa;
- 02 lon sữa đậu nành Tribeco;
- 01 đôi đũa;
- 02 cái tô nhựa;
- 01 ổ khóa hiệu Huy Hoàng;
- 01 ổ khóa hiệu YOFE
- 01 tàn thuốc lá;
- 02 cái gạt tàn thuốc lá;
- 01 vỏ chai nhựa;
- 01 vỏ lon đậu nành Tribeco;
- 01 quyển sổ;
- 01 đôi dép kẹp màu trắng;
- 01 cái xô nhựa màu đỏ (bên trong có 01 ly thủy tinh và 2 vỏ chai nhựa);

- 01 cái rổ nhựa màu xanh (bên trong có 01 số vật dụng cá nhân và 1 gói thuốc hiệu Jet).

- 01 đôi dép màu đen, quai màu xám sọc đen, có chữ T;

-14 túi giấy đựng mẫu dấu vết thu giữ tại hiện trường, bên ngoài các túi giấy có in chữ “Túi niêm phong”

-01 túi giấy niêm phong, bên ngoài có ghi chữ “mẫu máu Trần Thị H1”;

-01 túi giấy niêm phong, bên ngoài có ghi chữ “mẫu phết dịch âm đạo Trần Thị H1, mẫu tóc, lông trong lòng bàn tay, mẫu móng tay Trần Thị H1”;

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản bàn giao tang tài vật số NK2023/097 ngày 30/12/2022 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC02 Công an Thành phố H.

3.Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4.Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

5.Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và được hợp nhất theo văn bản 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Q (Luật thi hành án dân sự), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Cục THADS TP.HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (9) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Người bào chữa; | (2) |
| - Đường sự; | (1) |
| - THAHS TP.HCM; | (1) |
| - Phòng PC53 - CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ. (27) | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân

